TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2019/DS-ST
Ngày: 25/9/2019
V/v tranh chấp Hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn N.
2. Ông Lê Hoàng T.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Cao Chánh Nh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện M.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 36/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2019 về việc "tranh chấp hụi", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị M, sinh năm 1951; Địa chỉ: Ấp 1, xã Tân Lập, huyện M, tỉnh L.

Bị đơn:

01. Bà Nguyễn Thị B (tên thường gọi là Thơm), sinh năm 1979;

02. Ông Bùi Thanh P, sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã Tân Lập, huyện M, tỉnh L.

Bà M có mặt, bà B và ông P vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị M: Bà Đặng Thị M yêu cầu bà Nguyễn Thị B và ông Bùi Thanh P phải liên đới trả cho bà M số tiền hụi là 25.000.000 đồng; yêu cầu phải trả một lần.

Đề nghị của bà Nguyễn Thị B: Bà Nguyễn Thị B đề nghị bà M giảm cho bà B số tiền 15.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng bà B sẽ trả cho bà M trong thời hạn 03 tháng.

Đề nghị của ông Bùi Thanh P: Ông Bùi Thanh P vắng mặt, không có ý kiến.

Các tài liệu, chứng cứ do bà Đặng Thị M: Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (bản sao), giấy hụi (bản chính), bản tự khai.

Các tình tiết của vụ án:

Các tình tiết bà Đặng Thị M và bà Nguyễn Thị B trình bày thống nhất: Vào ngày 15/01/2016 (âm lịch) bà M có tham gia hụi do bà Nguyễn Thị B (tên thường gọi là Thơm) và ông Bùi Thanh P làm chủ thảo. Hụi 2.000.000 đồng, gồm có 26 phần, mỗi tháng khui một lần. Ngày 15/02/2018 âm lịch thì hụi mãn. Bà M tham gia 02 phần lấy tên là "Bà 10 ga", đã hốt hụi lần thứ 22, được 84.000.000 đồng, bà B và ông P chỉ giao cho bà M 59.000.000 đồng.

Các tình tiết bà Đặng Thị M và bà Nguyễn Thị B trình bày không thống nhất:

Các tình tiết bà Đặng Thị M trình bày: Bà M sẽ giảm cho bà B 5.000.000 đồng nếu bà B trả ngay một lần số tiền 20.000.000 đồng. Bà M đề nghị không công khai bản án trên cổng thông tin điện tử tòa án.

Các tình tiết bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà Nguyễn Thị B đề nghị bà M giảm cho bà B số tiền 15.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng bà B sẽ trả cho bà M trong thời hạn 03 tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là "Hụi" được quy định tại Bộ luật dân sự. Bà Nguyễn Thị B và ông Bùi Thanh P có địa chỉ tại xã Tân Lập, huyện M, tỉnh L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về việc giải quyết vắng mặt bà Nguyễn Thị B và ông Bùi Thanh P: Bà Nguyễn Thị B và ông Bùi Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà B và ông P.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị M:

Bà Đặng Thị M khởi kiện và cung cấp chứng cứ là giấy hụi có danh sách hụi viên; bà Nguyễn Thị B thừa nhận còn nợ tiền hụi bà M là 25.000.000 đồng; ông Bùi Thanh P không cung cấp tài liệu, chứng cứ và cũng không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của bà M nên Tòa án căn cứ vào lời trình bày và tài liệu, chứng cứ của bà M cung cấp và lời thừa nhận của bà B để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Theo lời thừa nhận của bà B và nội dung giấy hụi thể hiện vào ngày 15/01/2016 (âm lịch) bà M có tham gia dây hụi do bà Nguyễn Thị B (tên thường gọi là Thơm) và ông Bùi Thanh P làm chủ thảo. Hụi gồm có 26 phần, mỗi phần 2.000.000đ, mỗi tháng khui một lần. Bà M tham gia 02 phần lấy tên là "Bà 10 ga". Ngày 15/02/2018 âm lịch thì hụi mãn. Bà M hốt ở kỳ 22 được nhận tiền hụi 84.000.000đ nhưng đến nay bà B và ông P chỉ giao được 59.000.000đ, bà B và ông P còn thiếu lại 25.000.000đ.

Trong dây hụi này ông Bùi Thanh P đều biết và có tên trong giấy hụi; cả hai là vợ chồng đang chung sống, việc khui hụi để phục vụ cho kinh tế gia đình. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các Điều 288, 471 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M đối với bà B và ông P, buộc bà B và ông P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà M số tiền 25.000.000đ.

[4]. Về thời gian trả và cách thức trả: Bà M yêu cầu trả một lần, bà B và ông P vắng mặt không có ý kiến nên xem như các đương sự không thỏa thuận được, vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị B và ông Bùi Thanh P phải liên đới chịu số tiền 1.250.000đ án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Bà Đặng Thị M không phải chịu án phí nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 288, 471 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hụi của bà Đặng Thị M đối với bà Nguyễn Thị B và ông Bùi Thanh P, buộc bà B và ông P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà M số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị B và ông Bùi Thanh P phải liên đới chịu số tiền 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Bà Đặng Thị M không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà

M số tiền 1.125.000đ (một triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001438 ngày 04 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất và phạt vi phạm, xử: Về trách nhiệm do chậm nộp các khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện M;
- CC.THADS huyện M;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh L